

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11/3/2025

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Ty

Bà Phạm Thị Sơn

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 242/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20/02/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1992, vắng mặt.

Nơi ĐKTT: Khu phố X, thị trấn H, huyện L, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã M, huyện L, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Ngô Văn B, sinh năm 1992, vắng mặt.

Nơi ĐKTT và địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu phố X, thị trấn H, huyện L, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Nhật Bản (không rõ địa chỉ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2024, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Tân (Nay là thị trấn Hậu Lộc), huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01/2014, ngày 12/01/2014 và có tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ

chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc cùng bố mẹ anh B tại thôn Xuân Đài, xã Lộc Tân đến đầu năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại can thiệp nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hòa hợp dẫn đến cuộc sống mệt mỏi. Đến tháng 02/2024, chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn Đại Hữu, xã Mỹ Lộc, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đến tháng 5/2024 anh B đi Nhật Bản làm ăn. Từ khi đi đến nay anh B chưa về Việt Nam thăm gia đình, vợ con lần nào. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn anh Ngô Văn B.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Ngô Hoàng Hưng, sinh ngày 12/7/2020, hiện nay cháu Hưng đang ở với chị, do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Hưng cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

3. Về tài sản: Chị không yêu cầu giải quyết .

4. Về địa chỉ nơi ở và làm việc của Bình tại Nhật Bản: Do chị không biết địa chỉ cụ thể nơi ở và làm việc của anh B tại Nhật Bản, nhưng anh B vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Vì vậy chị đề nghị Tòa án xác minh thông tin anh B qua mẹ đẻ của anh B là bà Phạm Thị T, sinh năm 1960 – Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn H, huyện L, tỉnh Thanh Hóa

Tại các biên bản làm việc, bà Phạm Thị T trình bày:

Bà là mẹ đẻ của anh Ngô Văn B. Chị Hoàng Thị N là con dâu của bà. Anh B, chị N kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Tân (nay là thị trấn hậu Lộc). Sau khi kết hôn vợ chồng anh B, chị N về ở cùng bà. Quá trình chung sống, bà không thấy vợ chồng có mâu thuẫn gì, nhưng đến đầu năm 2024 thì chị N đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã M sinh sống từ đó đến nay, thỉnh thoảng chị N vẫn đưa con về chơi với bà. Đến tháng 6/2024 thì anh B đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Từ khi anh B đi đến nay chưa về thăm gia đình lần nào. Nay chị N làm đơn ly hôn, anh B cũng đã biết và cũng đồng ý ly hôn, vì vậy đề nghị Tòa giải quyết cho chị N và anh B được ly hôn. Vợ chồng anh B, chị N có 01 con chung là cháu Ngô Hoàng Hưng, sinh ngày 12/7/2020. Hiện cháu Hưng đang ở với chị N. Ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản và công nợ chung của anh B, chị N bà không biết. Nếu có thì sau này anh B về nước anh B tự giải quyết. Bà và anh B vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại, nhưng anh B không nói cho bà biết địa chỉ cụ thể nơi ở và nơi làm việc của anh B. Bà chỉ biết anh B vẫn đang làm việc tại Nhật bản và có

nhờ bà nhận các văn bản tố tụng do Tòa án giao. Vì vậy bà đồng ý nhận Thông báo thụ lý vụ án số 242 ngày 31/12/2024 của Tòa án và các văn bản tố tụng khác, cam đoan có trách nhiệm thông báo ngay cho anh B được biết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh B. Về con: Giao cháu Ngô Hoàng Hưng, sinh ngày 12/7/2020 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền của Tòa án:

Chị Hoàng Thị N là nguyên đơn đang cư trú tại tỉnh Thanh Hóa, bị đơn là anh Ngô Văn B đăng ký thường trú tại thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa nhưng hiện nay đang sinh sống tại Nhật Bản. Do vụ án có bị đơn cư trú ở nước ngoài, căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[1.2]. Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn:

Chị N chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh B ở Việt Nam, không cung cấp được địa chỉ của anh B tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng bà Phạm Thị T là mẹ đẻ của anh B trình bày không biết địa chỉ của anh B ở Nhật Bản. Theo bà T thì hiện nay anh B đang ở Nhật Bản, anh B vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, nhưng không cho gia đình biết địa chỉ cụ thể. Bà T đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho anh B. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hoàng Thị N có đơn xin xử vắng mặt; bị đơn là anh Ngô Văn B mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng qua người thân đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Ngô Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong lời khai, các tài liệu gửi đến Tòa án, chị N đều trình bày vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2023, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không cải thiện được, tình cảm vợ chồng thực sự không còn. Từ tháng 2/2024 chị N đưa con về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống không còn sự quan tâm chăm sóc đến nhau; Đến tháng 5/2024 anh B đi lao động tại Nhật Bản và cũng từ thời gian đó anh B không về thăm gia đình, vợ con, anh chị không còn liên hệ với nhau; Chị N không có địa chỉ của anh B tại Nhật Bản nên không cung cấp cho Tòa án được. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh B đã trầm trọng, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị N được ly hôn anh B là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Ngô Hoàng Hưng sinh ngày 12/7/2020. Xét về nguyện vọng của chị N xin được trực tiếp nuôi con thấy rằng: Từ thời gian vợ chồng sống ly thân đến nay thì cháu Hưng ở với chị N, anh B đang lao động tại Nhật Bản tuy nhiên chị không có thông tin về địa chỉ của anh B; Do đó để đảm bảo các điều kiện về mọi mặt của các con về sự ổn định môi trường sống, sự gắn bó, quan tâm, chăm sóc nuôi dưỡng cần giao cháu Ngô Hoàng Hưng cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N đã được giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là để bảo vệ lợi ích hợp pháp của con tuy nhiên chị N tự nguyện không yêu cầu; Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị N về giao nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản, công nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét. Anh B không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản và công nợ chung nên sau này nếu anh B yêu cầu thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 273; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố

tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị N.

- Về hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Ngô Văn B.

- Về con: Công nhận cháu Ngô Hoàng Hưng sinh ngày 12/7/2020 là con chung của chị Hoàng Thị N và anh Ngô Văn B. Giao cháu Ngô Hoàng Hưng cho chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Ngô Văn B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Ngô Văn B có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản: Không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai thu số 0000787 ngày 30/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyền kháng cáo:

Chị Hoàng Thị N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật

Anh Ngô Văn B có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND Thị trấn Hậu lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HS; Lưu Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Dung